

Số: **573**/GD-TCHC

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính  
năm 2021

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021*

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
2. Mã chứng khoán: GDW
3. Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
4. Điện thoại : 38 412 656 Fax: 38 412 524.
5. Người thực hiện công bố thông tin:
  - Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Đăng - Giám đốc Công ty
  - Địa chỉ: 118/8 Hương Lộ 14, phường Tân Thới Hòa, Tân Phú, TP. HCM.
  - Điện thoại:  
+ Di động: 0913855252; Cơ quan: (028)38412655; Fax: (028)38418524

6. Loại thông tin công bố:

24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

7. Nội dung công bố thông tin:

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 tại điểm e khoản 1 Điều 11 quy định về việc Công ty niêm yết ***công bố thông tin Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.***

8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty  
: [www.capnuocgiadinh.vn](http://www.capnuocgiadinh.vn) (vào mục Tin cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Đính kèm:**

- Nghị quyết số 34/NQ-GĐ-HĐQT ngày 19/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Trưởng ban KS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT (Thư ký).

**Người đại diện pháp luật  
Giám đốc**



**Nguyễn Văn Đăng**



Số: 34 /NQ-GĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

### *Phiên họp Quý IV/2020 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định,

Tại phiên họp Quý IV/2020, được tổ chức vào ngày 18/3/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét, nghiên cứu các báo cáo, tờ trình và thảo luận, lấy ý kiến thông qua các nội dung:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, bao gồm Báo cáo tài chính năm 2020 (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020);
- Trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2021;
- Trình Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 và Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý và Người lao động Công ty năm 2021;
- Trình đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021;
- Báo cáo về việc áp dụng quy định về khen thưởng và xử phạt trong công tác giảm thất thoát, thất thu nước sạch theo “Quyết định số 113/QĐ-GĐ ngày 04/9/2020” trong giai đoạn từ tháng 9/2020 đến hết tháng 12/2020;
- Trình Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

### **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định QUYẾT NGHỊ:**

1. Thông qua Báo cáo số 364/BC-GĐ-KHVT ngày 09/02/2021 (kèm Báo cáo tài chính năm 2020) về kết quả sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2020; trong đó, sản lượng nước đạt 100,47%; tổng doanh thu đạt 100,63%; doanh thu tiền nước đạt 101,05% và lợi nhuận trước thuế đạt 105,68% so với kế hoạch năm 2020 (*Phụ lục 1*).
2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 365/TTr-GĐ-KHVT ngày 09/02/2021 của Giám đốc Công ty - bao gồm các mục <sup>(A)</sup>Sản xuất kinh doanh; <sup>(B)</sup>Đầu tư xây dựng; <sup>(C)</sup>Tài chính, <sup>(D)</sup>Mua sắm - Chi phí đào tạo (*Phụ lục 2*) đính kèm Danh mục công trình đầu tư xây dựng năm 2021 (*Phụ lục 3*), Danh mục các công trình giảm nước thất thoát thất thu năm 2021 (*Phụ lục 4*) và Danh mục mua sắm – Chi phí đào tạo năm 2021 (*Phụ lục 5*), cụ thể như sau:



2.1 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2021;

2.2 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2021;

2.3 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch Tài chính năm 2021;

2.4 Với tỷ lệ 100%, thông qua Kế hoạch Mua sắm – Chi phí đào tạo năm 2021.

3. Thông qua nội dung Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Người lao động, Người quản lý tại Tờ trình số 351/TTr-GĐ-TCHC ngày 08/02/2021 về việc xác định quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý Công ty và Người lao động năm 2020 như sau:

a) Quỹ tiền lương của người Lao động 2020: 59.805.224.000 đồng, trong đó có tiền lương tăng thêm 5,8% Quỹ tiền lương kế hoạch 2020 do lợi nhuận thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch 5,68% và năng suất người lao động tăng 6,22%;

b) Quỹ tiền lương của người Quản lý Công ty chuyên trách 2020: 2.877.120.000 đồng, trong đó có tiền lương tăng thêm 11% Quỹ tiền lương kế hoạch 2020 do lợi nhuận thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch 5,68%;

c) Quỹ thù lao của người Quản lý Công ty không chuyên trách: 558.000.000 đồng, theo nội dung trình và được phê duyệt tại Nghị quyết 05/NQ-GĐ-ĐHĐCĐ ngày 02/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

d) Tiền lương trong công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, khác... được tính theo thực tế và quy định hiện hành.

e) Đối với Quỹ khen thưởng thực hiện năm 2020, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên năm 2021.

4. Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 tại Tờ trình số 387/TTr-GĐ-TCHC ngày 23/02/2021 về việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý Công ty và Người lao động năm 2021. Theo đó, thống nhất Quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý Công ty kế hoạch năm 2021 là: 63.135.000.000 đồng, cụ thể như sau:

a) Quỹ tiền lương của người Lao động: 59.985.000.000 đồng;

b) Quỹ tiền lương của người Quản lý Công ty chuyên trách: 2.592.000.000 đồng;

c) Quỹ thù lao của người Quản lý Công ty không chuyên trách sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt là: 558.000.000 đồng với mức chi: Thành viên Hội đồng quản trị: 6 triệu đồng/người; Kiểm soát viên, Người quản trị Công ty: 3.5 triệu đồng/người.

d) Tiền lương trong công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa, khác... được tính theo thực tế và quy định hiện hành.

e) Đối với Quỹ khen thưởng thực hiện năm 2021, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên năm.

5. Thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021 giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH – MTV là 4.933,94 đ/m<sup>3</sup> năm 2018; 5.032,62.đ/m<sup>3</sup> (11 tháng đầu năm) và 5.334,58đ/m<sup>3</sup> (tháng 12) năm 2019; 5.800 đ/m<sup>3</sup> năm 2020 và 6.148đ/m<sup>3</sup> năm 2021 theo nội dung tại Mục I - Tờ trình số 371/TTr-GĐ-KTTC ngày 19/02/2021 về việc thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021.

Giao Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH - MTV qua các năm 2018, 2019, 2020, 2021 với các đơn giá nêu trên kể từ tháng 01/2018. Trường hợp thay đổi đơn giá mua sỉ nước sạch phải được Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt.

6. Ghi nhận nội dung kết quả thực hiện trong báo cáo việc áp dụng quy định về khen thưởng và xử phạt trong công tác giảm thất thoát, thất thu nước sạch theo “Quyết định số 113/QĐ-GĐ ngày 04/9/2020” giai đoạn từ tháng 9/2020 đến hết tháng 12/2020. Về phần kiến nghị và đề xuất, giao Ban Điều hành Công ty tiếp tục nghiên cứu, xem xét, rà soát, tính toán kỹ lưỡng để điều chỉnh quy định về khen thưởng và xử phạt trong công tác giảm thất thoát, thất thu nước sạch cho phù hợp với cơ chế và tình hình thực tế tại đơn vị, báo cáo lại Hội đồng quản trị trong thời gian tới.

7. Thống nhất Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Tờ trình số 105/TTr-GĐ-HĐQT ngày 09/03/2021 (Phụ lục 6). Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thành tài liệu họp theo ý kiến đóng góp tại phiên họp ngày 18/03/2021, công bố thông tin theo quy định hiện hành và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Quy chế tổ chức, tham dự Đại hội cổ đông được ban hành theo Quyết định số 14/QĐ-GĐ-TCHC ngày 15/3/2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. Nếu có thay đổi, bổ sung nội dung họp trước khi Đại hội diễn ra, thực hiện thông tin đầy đủ đến thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

8. Hội đồng quản trị ghi nhận và thống nhất, từ ngày 04/12/2020, bà Trần Thị Quỳnh Như - điện thoại 090 867 9980, Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính - sẽ đảm nhận phần việc là Người quản trị Công ty thay cho bà Nguyễn Lê Minh Phương, nghỉ thai sản theo chế độ.

**Nơi nhân:**

- UBCK, SGDC “để báo cáo”;
- Thành viên HĐQT;
- CT HĐTV, KSV TCTy;
- Trưởng BKS;
- Ban giám đốc;
- Kế toán trưởng Cty;
- P.TCHC, P.KHVT,
- BQLDA, KT, GNKDT;
- Lưu VT (Tky.14)







**QUYẾT NGHỊ**

**Về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-GĐ-HĐQT ngày 19/03/2021)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2020	So với TH 2019
<b>A. SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		(1)	(2)	(3)	(4= 3/2)	(5=3/1)
1. Nước tiêu thụ	Triệu m <sup>3</sup>	53,614	53.600	53.852	100,47%	100,44%
2. Gắn mới đồng hồ nước	Cái	1.174	500	1.001	200,20%	85,26%
3. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	26.913	27.000	28.976	107,32%	107,67%
4. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	26	20	47	235,00%	180,77%
5. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00%	100,00%
6. Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	15,79	16,00	15,36	Giảm 0,64%	Giảm 0,43%
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>						
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	m	-	1.100	800	72,73%	-
	Tỷ đồng	-	2,600	2,000	76,92%	-
2. Đầu tư thay mới ống mục	m	380	3.035	3.535	116,47%	930,26%
	Tỷ đồng	2,518	14,939	17,846	119,46%	708,74%
3. Công trình giảm nước thất thoát thất thu	m	4.468	11.138	9.555	85,79%	213,85%
<b>C. TÀI CHÍNH</b>						
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520,569	574,116	577,726	100,63%	110,98%
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	512,239	564,186	570,083	101,05%	112,29%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,001	21,400	22,616	105,68%	107,69%
4. Nộp ngân sách	Tỷ đồng	83,382	92,467	92,945	100,52%	111,47%



**QUYẾT NGHỊ**

**Về kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số **34** /NQ-GĐ-HĐQT ngày **19/03/2021**)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 2020	Đăng ký Kế hoạch 2021	KH 2021 so với 2020
<b>A. SẢN XUẤT KINH DOANH</b>		(1)	(2)	(3=2/1)
1. Nước tiêu thụ	Triệu m <sup>3</sup>	53.852	54.200	100,65%
2. Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	1.001	500	49,95%
3. Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	01	02	200,00%
4. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	28.976	28.000	96,63%
5. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	47	35	74,47%
6. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00%
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	15,36	15,50	Tăng 0,14%
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	Mét	800	300	37,50%
	Tr. đồng	2,000	0,600	30,00%
2. Đầu tư thay mới ống mục	Mét	3.535	5.650	159,83%
	Tr. đồng	17,846	28.512	159,77%
3. Công trình giảm nước thất thoát thất thu	Mét	9.555	20.897	218,70%
	Tr. đồng	32,299	93,006	287,94%
<b>C. TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	577,726	610,035	105,59%
2. Doanh thu tiền nước	Tr. đồng	570,083	605,785	106,26%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	22,616	23,000	101,70%
4. Nộp ngân sách	Tr. đồng	92,945	97,940	105,37%
<b>D. MUA SẴM – CHI PHÍ ĐÀO TẠO</b>				
1. Máy móc thiết bị	Tr. đồng	4,753	9,400	197,77%
2. Thay thế thiết bị văn phòng	Tr. đồng	1,226	2,303	187,85%
3. Xe cơ giới	Tr. đồng	1,114	2,200	197,49%
4. Chi phí đào tạo	Tr. đồng	0,592	0,600	101,35%





**Phụ lục 3**

**QUYẾT NGHỊ**  
**VỀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số **34** /NQ-GĐ-HĐQT ngày **19/03/2021**)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế (m)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
					Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (triệu đồng)	Giải ngân (triệu đồng)	
	<b>TỔNG SỐ:</b>		<b>14,807m</b>	<b>73,773</b>	<b>5,950</b>	<b>29,112</b>	<b>28,434</b>	
	<b>I. Phát triển mạng lưới cấp nước:</b>		<b>1,000</b>	<b>6,200</b>	<b>300</b>	<b>600</b>	<b>820</b>	
	<i>1. Công trình thực hiện đầu tư 2020 chuyển tiếp sang năm 2021</i>		<i>300m</i>	<i>600</i>	<i>300</i>	<i>600</i>	<i>540</i>	
1	PTMLCN hẻm 565 Nơ Trang Long P13 QBT	QBT	300m P125	600	300	600	540	
	<i>2. Công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020 chuyển tiếp sang năm 2021</i>		<i>700m</i>	<i>5,600</i>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>280</b>	
1	PTMLCN đường Chu Văn An (từ ngã 5 Bình Hòa đến Phan Chu Trinh) P12 QBT	QBT	700m P355	5,600			<b>280</b>	Công trình kết hợp mở rộng đường Chu Văn An
	<b>II. Đầu tư thay mới ống mục:</b>		<b>13,807</b>	<b>67,573</b>	<b>5,650</b>	<b>28,512</b>	<b>27,614</b>	
	<i>1. Công trình chuẩn bị đầu tư 2020 chuyển tiếp sang thực hiện đầu tư năm 2021.</i>		<i>5,650m</i>	<i>28,512</i>	<i>5,650</i>	<i>28,512</i>	<i>25,661</i>	
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Thanh Đa (từ Bình Quới đến số nhà 92 Thanh Đa) P27 QBT	QBT	380m P180 150m P125	2,300	380 150	2,300	2,070	
2	Đầu tư thay mới ống mục đường Hồ Biểu Chánh (từ Nguyễn Văn Trỗi đến Huỳnh Văn Bánh) P11 QPN	QPN	700m P225	4,000	700	4,000	3,600	
3	Đầu tư thay mới ống mục đường Hoàng Diệu (từ Trương Quốc Dung đến Đặng Văn Ngữ) P10 QPN	QPN	330m P225 50m P125	1,997	330 50	1,997	1,797	
4	Đầu tư thay mới ống mục đường Cô Giang (từ Phan đình Phùng đến nhà 142C) P2 QPN	QPN	650m P180	3,400	650	3,400	3,060	
5	Đầu tư thay mới ống mục lề trái đường Nguyễn Trọng Tuyển (từ Phan Đình Phùng đến Trần Huy Liệu) P15 QPN	QPN	400m P225	2,220	400	2,220	1,998	
6	Đầu tư thay mới ống mục đường Chiến Thắng (từ Trần Khắc Chân đến Nguyễn Kiệm) P9 QPN	QPN	980m P180	4,557	980	4,557	4,101	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Năng lực thiết kế (m)	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
					Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (triệu đồng)	Giải ngân (triệu đồng)	
7	Đầu tư thay mới ống mục đường Đỗ Tấn Phong (từ Trần Khắc Chân đến Chiến Thắng) P9 QPN	QPN	550m P125	2,159	550	2,159	1,943	
8	Đầu tư thay mới ống mục phường 26 QBT	QBT	190m P225 620m P125	4,336	190 620	4,336	3,902	
9	Đầu tư thay mới ống mục đường Mai Văn Ngọc ( từ Nguyễn Văn Trỗi đến Huỳnh Văn Bánh) P10 QPN	QPN	650m P225	3,543	650	3,543	3,189	
<b>2. Công trình chuẩn bị đầu tư 2020 chuyển tiếp sang năm 2021.</b>			<b>8,157m</b>	<b>39,061</b>			<b>1,953</b>	
1	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Hồng (từ Phạm Văn Đồng đến 56B Nguyễn Hồng) P1 QGV	QGV	350m P225	2,000			100	
2	Đầu tư thay mới ống mục hẻm 602 Điện Biên Phủ ( từ Điện Biên Phủ đến 602/90A Đ B Phủ) P22 QBT	QBT	400m P225	2,060			103	
3	Đầu tư thay mới ống mục lề phải đường Điện Biên Phủ (từ 649 đến 541 Điện Biên Phủ) P25 quận Bình Thạnh	QBT	550m P280	3,658			183	
4	Đầu tư thay mới ống mục đường Trường Sa (từ Điện Biên Phủ đến Xô Viết Nghệ Tĩnh) P17 QBT	QBT	800m P225	3,440			172	
5	Đầu tư thay mới ống mục đường Võ Duy Ninh P22 quận Bình Thạnh	QBT	980m P225	4,974			249	
6	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Thượng Hiền (từ Hoàng Hoa Thám đến Lê Quang Định) P5 QBT, P1 QGV	QBT QGV	1,100m P180	5,665			283	
7	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Thượng Hiền (từ Hoàng Hoa Thám đến 298 Nguyễn Thượng Hiền) P5 QPN	QPN	520m P180	2,678			134	
8	Đầu tư thay mới ống mục đường Đào Duy Anh P9 QPN	QPN	1,200m P180	5,440			272	
9	Đầu tư thay mới ống mục hẻm 143A Ung Văn Khiêm P25 QBT	QBT	422m P180 435m P125	3,546			177	
10	Đầu tư thay mới ống mục 2 bên lề đường Chu Văn An (từ ngã 5 Bình Hòa đến Phan Chu Trinh) P12 QBT	QBT	1,400m P180	5,600			280	





**Phụ lục 4**

**QUYẾT NGHỊ**

**VỀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH GIẢM NƯỚC THẮT THOÁT THẮT THU NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số **34** /NQ-GĐ-HĐQT ngày **19** /03/2021)

Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
				23,743m 1.703 bộ đai 12 hầm ĐH 30 Data logger	105,369	20,897	93,006	32,307	
<b>I</b>	<b>Công trình thực hiện đầu tư năm 2020 chuyển tiếp sang năm 2021</b>			8,530m  367 bộ đai	41,598	5,684	29,235	29,119	CT THĐT năm 2020 chuyển sang thực hiện năm 2021
1	Sửa chữa ống mục đường Cù Lao P2 QPN	CP GNTTTT	QPN	300m Ø180  250m Ø125	2,520			1,764	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
2	Sửa chữa ống mục đường Hoa Phượng, Hoa Sứ P2 QPN	CP GNTTTT	QPN	450m Ø180	2,363			1,654	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
3	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Cù Lao đến Hoa Sứ) P2 QPN	CP GNTTTT	QPN	550m Ø125	2,434			1,704	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
4	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Hoa Sứ đến Nguyễn Công Hoan) P2 QPN	CP GNTTTT	QPN	550m Ø125	2,434			1,704	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
5	Sửa chữa ống mục khu vực phường 12, 13, 14 quận 3	CP GNTTTT	Q3	82m Ø180  168m Ø125	1,029	82m  168m	1,029	720	

Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
6	SCOM và thay đai hẻm 114, 214, 222 Bùi Đình Túy, hẻm 261/40/5 Chu Văn An Phường 12, Quận Bình Thạnh, hẻm 120 Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	120m Ø180  310m Ø125 103 bộ đai	2,411	120m  310m 103 bộ đai	2,411	1,688	
7	SCOM hẻm 311, 270 Nguyễn Xí, hẻm 457, 412, 426, 454 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	570m Ø125	2,433	570m	2,433	1,703	
8	Thay đai 347/18 Huỳnh Văn Bánh, đường Trần Hữu Trang, Phường 11, Quận Phú	CP GNTTTT		95 bộ đai	1,516	95 bộ đai	1,516	1,061	
9	SCOM hẻm 1134 Trường Sa, thay đai hẻm 489A/21 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	70m Ø125  95 bộ đai	1,050  95 bộ đai	70m	1,050	735	
10	SCOM hẻm 86 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8; đường Bùi Văn Thềm, hẻm 170 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	380m Ø125	1,804	380m	1,804	1,263	
11	SCOM Phường 15, 17, Quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	305m Ø50  53 bộ đai	1,347  53 bộ đai	305m	1,347	943	
12	SCOM hẻm 602/37 Điện Biên Phủ, hẻm 15 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	434m Ø125	1,789	434m	1,789	1,252	
13	SCOM đường Phó Đức Chính Phường 1; hẻm 207 Bạch Đằng, hẻm 57 Điện Biên Phủ Phường 15; hẻm 75 Nguyễn Cửu Vân, hẻm 11A3 XVNT Phường 17, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	389m Ø125  49m Ø50	1,558	389m  49m	1,558	1,091	



Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
14	SCOM hẻm 427, 593, 801/3, 801/39, 749 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	560m Ø125	2,328	560m	2,328	1,630	
15	SCOM hẻm 82/45, 59/3/14, 363/48, Thay đại hẻm 82/37 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	237m Ø125 13 bộ đại	921	237m	921	645	
16	SCOM hẻm 63, 183, 232 Quốc Lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	510m Ø125 8 bộ đại	2,296 8 bộ đại	510m	2,296	1,607	
17	Sửa chữa ống mục hẻm 129 Nguyễn Hồng, hẻm 235, 239 Phan Văn Trị, hẻm 207/52 Nguyễn Văn Đậu P11, hẻm 125/42/9 Bùi Đình Túy P24 QBT	CP GNTTTT	QBT	447m Ø125	1,565			1,096	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
18	Sửa chữa ống mục hẻm 192 Nguyễn Thượng Hiền, hẻm 5, 32 Trương Đăng Quế P1 QGV	CP GNTTTT	QBT	299m Ø125	1,047			733	Thi công xong, đang làm hồ sơ quyết toán
19	Sửa chữa ống mục lề trái đường Bùi Đình Túy (từ Phan Văn Trị đến hẻm 304 Bùi Đình Túy) P12 QBT	CP GNTTTT	QBT	240m Ø225	1,080	240m	1,080	756	
20	Sửa chữa ống mục lề phải đường Bùi Đình Túy (từ Phan Văn Trị đến hẻm 347 Bùi Đình Túy) P14, 24, QBT	CP GNTTTT	QBT	240m Ø180	1,008	240m	1,008	706	
21	Sửa chữa ống mục hẻm 117 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	350m Ø180 100m Ø125	2,482	350m 100m	2,482	1,737	

Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
22	Sửa chữa ống mục đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến số 5 Nguyễn Văn Nghi) P1, P4 QGV	CP GNTTTT	QGV	220m Ø400	2,783	220m	2,783	1,948	
23	Sửa chữa ống mục 02 bên lề đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến cầu Hang ngoài) P1 QGV	CP GNTTTT	QGV	350m Ø180	1,400	350m	1,400	980	
<b>II</b>	<b>Công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020 chuyển sang thực hiện đầu tư năm 2021</b>			<b>15,213m</b>  <b>1.336 bộ đai</b> <b>12 hầm ĐH</b> <b>30 Data logger</b>	<b>63,771</b>	<b>15,213</b>  <b>1.336 bộ đai</b> <b>12 hầm ĐH</b> <b>30 Data logger</b>	<b>63,771</b>	<b>3,189</b>	CT chuẩn bị đầu tư chuyển sang thực hiện
1	Đầu tư thay mới ống mục Phường 3, 4, 5, 8, 10 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	130m Ø180  25m Ø125 70m Ø50 116 bộ đai	1,637	130m  25m 70m 116 bộ	1,637	82	
2	Đầu tư thay mới ống mục Phường 1,11,15 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	42m Ø180  599m Ø125	2,015	42m  599m	2,015	101	
3	Đầu tư thay mới ống mục lề phải hẻm 82 Bình Quới Phường 27 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	205m Ø180  309m Ø125	2,014	205m  309m	2,014	101	
4	Đầu tư thay mới ống mục lề trái hẻm 82 Bình Quới Phường 27 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	205m Ø180  309m Ø125	2,014	205m  309m	2,014	101	
5	Đầu tư thay mới ống mục đường Nguyễn Xí, hẻm 535 Phạm Văn Đồng, hẻm 482/10 Nơ Trang Long Phường 13 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	200m Ø180  345m Ø125	2,034	200m  345m	2,034	102	
6	Sửa chữa ống mục hẻm 75 Nguyễn Cửu Vân P17, hẻm 618B1 XVNT P25 QBT	CP GNTTTT	QBT	300m Ø125	1,000	300m	1,000	50	



Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
7	Sửa chữa ống mục hèm 58, 343 Phan Xích Long, hèm 270 Phan Đình Phùng, phường 1 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	450m Ø125  30m Ø50	1,450	450m  30m	1,450	73	
8	Sửa chữa ống mục hèm 216,244,265 Đỗ Tấn Phong; hèm 54 Đào Duy Anh phường 9 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	460m Ø125	1,400	460m	1,400	70	
9	Sửa chữa ống mục hèm 101 Hồ Văn Huê; hèm 94 Trần Khắc Trân; hèm 38 Hoàng Văn Thụ phường 9 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	300m Ø125	950	300m	950	48	
10	Sửa chữa ống mục hèm 39,145 Lê Quang Định; hèm 104 Nơ Trang Long; hèm 14,45 Nguyễn Huy Lượng; hèm 23,48 Nguyễn An Ninh; hèm 47 Phan Văn Trị phường 14 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	650m Ø125	1,950	650m	1,950	98	
11	Sửa chữa ống mục hèm 275/59,293,325 Bạch Đằng; hèm 1A,124 Đinh Bộ Lĩnh; hèm 110 Trường Sa; hèm 277/27 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 15 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	650m Ø125	2,100	650m	2,100	105	Phát sinh cáo bóc theo yêu cầu của Quận.
12	Sửa chữa ống mục hèm 27(từ 27/113/15 đến 27/131), hèm 37, hèm 71/6, hèm 71/50, hèm 71/56 hèm 71/37, hèm 195 (từ 195/19 đến 195/33), hèm 297, hèm 331 Điện Biên Phủ phường 15 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	600m Ø125	1,800	600m	1,800	90	
13	Sửa chữa ống mục hèm 174,218,318, 236/45 Điện Biên Phủ; hèm 46 Nguyễn Cửu Vân; hèm 192 Phan Văn Hân; hèm 35,93 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 17 quận BT	CP GNTTTT	QBT	410m Ø125  100m Ø50	1,800	410m  100m	1,800	90	

Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
14	SCOM hẻm 15 Võ Duy Ninh phường 22 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	480m Ø125	2,200	480m	2,200	110	Phát sinh cáo bóc theo yêu cầu của Quận.
15	SCOM hẻm 125/77,217/9,253,267,297 Bùi Đình Túy; hẻm 38 Nguyễn Thiện Thuật; hẻm 72/9,72/27,182/14,194/11,224 Bạch Đằng; hẻm 35/18 Đinh Bộ Lĩnh; hẻm 22,28 Huỳnh Đình Hai phường 24 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	600m Ø125  220m Ø50	2,650	600m  220m	2,650	133	
16	SCOM lề phải đường D5 (từ số nhà 28 đến đường Nguyễn Gia Trí), lề trái đường D5 (từ số nhà 49 đến đường Nguyễn Gia Trí), hẻm 57 đường D5, hẻm 31/15, 31/32, 31/40 ung văn khiêm, lề phải đường Võ Oanh (từ Nguyễn Gia Trí đến hẻm 36), phường 25 quận Bình	CP GNTTTT	QBT	1,200m Ø125	3,600	1,200m	3,600	180	
17	SCOM hẻm 378,502,534,792,860/42,860/75 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 25 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	900m Ø125  180m Ø50	3,300	900m  180m	3,300	165	
18	Lắp đặt van giảm áp cho DMA BT1302, BT2403, BT2504, BT0101, BT0102 phường 01,13,24,25 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	6 hãm ĐH	2,400	6 hãm ĐH	2,400	120	
19	Phân vùng tách mạng DMA Q31200 ; DMA BT2401BT1403 ; DMA PN0300PN0402 ; DMA BT2728 ; PN0902	CP GNTTTT	QBT	6 hãm ĐH	3,000	6 hãm ĐH	3,000	150	
20	Lắp đặt datalogger điểm cuối tuyến theo dõi áp lực trên địa bàn	CP GNTTTT	QBT, QPN, Q3	30 Data logger	2,000	30 Data logger	2,000	100	



Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
21	Sửa chữa ống mục Phường 12, 14 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	445m Ø125 35 bộ đai	1,510	445m 35 bộ đai	1,510	76	
22	Thay đai đường Nhiêu tú, Phan Tây Hồ, Phan Xích Long Phường 7 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	300 bộ đai	1,500	300 bộ đai	1,500	75	
23	Thay đai đường Phùng Văn Cung, Hoa Cúc, Hoa Huệ Phường 7 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	300 bộ đai	1,500	300 bộ đai	1,500	75	
24	Sửa chữa ống mục Phường 22, quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	666m Ø125	1,998	666m	1,998	100	
25	Sửa chữa ống mục Phường 11,12 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	90m Ø125 305m Ø50 97 bộ đai	1,670	90m 305m 97 bộ đai	1,670	84	
26	Sửa chữa ống mục Phường 13,14,15,17 quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	60m Ø125 264m Ø50 393 bộ đai	1,837	60m 264m 393 bộ đai	1,837	92	
27	Sửa chữa ống mục hẻm 593, 801/93/2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, 140, 140/17 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 13, 26, quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	205m Ø125 105m Ø50 95 bộ đai	1,410	205m 105m 95 bộ đai	1,410	71	
28	Sửa chữa ống mục Phường 3 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	650m Ø125	1,950	650m	1,950	98	
29	Sửa chữa ống mục hẻm 19,27,35,101 Nguyễn Thượng Hiền Phường 5 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	353m Ø125	1,059	353m	1,059	53	

Stt	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Đăng ký thực hiện 2021			Ghi chú
						Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (Triệu đồng)	Giải ngân (Triệu đồng)	
30	Sửa chữa ống mục hẻm 29,35,26,32,42 Trương Đăng Quế; hẻm 100 Nguyễn Hồng Phường 1 quận Gò Vấp	CP GNTTTT	QGV	681m Ø125	2,043	681m	2,043	102	
31	Sửa chữa ống mục Phường 19,21 quận Bình Thạnh	CP GNTTTT	QBT	720m Ø125	2,480	720m	2,480	124	
32	Sửa chữa ống mục hẻm 134, 168 Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	300m Ø125	1,500	300m	1,500	75	
33	Sửa chữa ống mục hẻm 68, 88, 108, Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận	CP GNTTTT	QPN	400m Ø125	2,000	400m	2,000	100	





**QUYẾT NGHỊ**

**Về Danh mục mua sắm – Chi phí đào tạo năm 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 34 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 19/03/2021)

Chỉ tiêu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>1. Máy móc thiết bị</b>				
Thiết bị thu nhận dữ liệu Datalogger	30 cái	40,000,000	1,200,000,000	
Điểm quan trắc chất lượng nước	04 cái	500,000,000	2,000,000,000	
Đo đạc tọa độ van	1.500 van	100,000	150,000,000	
Van giảm áp	06 cái	350,000,000	2,100,000,000	
Đồng hồ điện từ Ø 150	2 cái	200,000,000	400,000,000	
Đồng hồ điện từ Ø 200	2 cái	200,000,000	400,000,000	
Bản đồ nền Bình Thạnh	19 phường	10,526,315	200,000,000	
Nâng cấp hệ thống Portal GIS	1 gói	70,000,000	70,000,000	
Trang bị giấy phép phần mềm ArcGIS gói ELA (Giai đoạn 1 năm 2020)	1 gói	800,000,000	800,000,000	
Xây dựng trang thông tin điện tử giadinhwater.vn trên nền tảng công nghệ HTML5, CSS3	1 hệ thống	160,000,000	160,000,000	
Nâng cấp phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	1 hệ thống	180,000,000	180,000,000	
Xây dựng phần mềm quản lý dự án, hồ sơ công trình	1 hệ thống	140,000,000	140,000,000	
Lưu trữ CSDL trên điện toán đám mây	1 gói	20,000,000	20,000,000	
Bảo trì hệ thống Công nghệ thông tin	1 gói	200,000,000	200,000,000	
Trang bị giấy phép phần mềm ngăn chặn mã độc Checkpoint Endpoint	1 gói	150,000,000	150,000,000	

Chỉ tiêu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Trang bị giấy phép cập nhật các tính năng cho thiết bị tường lửa Checkpoint	1 gói	120,000,000	120,000,000	
Trang bị thiết bị dự phòng cho phòng máy chủ	1 gói	150,000,000	150,000,000	
Trang bị giấy phép hợp pháp sử dụng phần mềm	1 gói	400,000,000	400,000,000	
Nâng cấp phần mềm Quản lý thu tiền	1 gói	110,000,000	110,000,000	
Thay thế máy chủ Online Office	1 máy	450,000,000	450,000,000	
<b>Tổng tiền</b>	<b>9,400,000,000 VNĐ</b>			
<b>2. Thay thế thiết bị văn phòng</b>				
Máy vi tính bàn dùng cho kỹ thuật	15 bộ	36,200,000	543,000,000	
Máy vi tính bàn dùng cho Văn phòng	30 bộ	22,473,000	674,190,000	
Laptop dùng cho kỹ thuật	10 bộ	30,305,000	303,050,000	
Laptop dùng cho văn phòng	06 bộ	20,559,000	123,354,000	
Máy Photocopy (In, scan, Photo)	05 bộ	126,000,000	630,000,000	
Máy in A4	06 bộ	4,950,000	29,700,000	
<b>Tổng tiền</b>	<b>2,303,294,000 VNĐ</b>			
<b>3. Xe xúc đào 03</b>	01 cái	2,200,000,000	2,200,000,000	
<b>Tổng tiền</b>	<b>2,200,000,000 VNĐ</b>			
<b>4. Chi phí đào tạo</b>				
Kỹ năng quản lý			184,000,000	
Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ			83,000,000	
Hệ thống công nghệ thông tin			122,900,000	
An toàn lao động – vệ sinh môi trường			152,500,000	
Phòng cháy chữa cháy			22,000,000	
Bồi dưỡng, huấn luyện nâng bậc tay nghề			36,000,000	
<b>Tổng tiền</b>	<b>600,400,000 VNĐ</b>			





**QUYẾT NGHỊ**

**Về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số 34 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 19/03/2021)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định sẽ được tổ chức theo kế hoạch sau:

**I. Kế hoạch tổ chức:**

- Ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông): 29/3/2021;
- Mục đích sử dụng danh sách: thông báo và mời cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Thời gian tổ chức Đại hội: 23/4/2021;
- Địa điểm tổ chức Đại hội: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (Hội trường lầu 5) – 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, quận Bình Thạnh.

**II. Chương trình Đại hội gồm các nội dung:**

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh-tài chính năm 2020 (bao gồm Báo cáo tài chính năm 2020 kèm Báo cáo kiểm toán) và trình phương hướng sản xuất kinh doanh-tài chính năm 2021;
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;
3. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty 2020;
4. Trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
5. Trình Thù lao năm 2021 đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách, Người quản trị Công ty;
6. Trình nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty;
7. Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022;

Các tài liệu liên quan hoặc thông tin thay đổi sẽ được trình thông qua Hội đồng quản trị trước khi tổ chức Đại hội theo Quy chế tổ chức, tham dự Đại hội cổ đông Công ty và theo quy định pháp luật.

